

# PHONG TRÀO DƯƠNG VỤ Ở TRUNG QUỐC (1861 - 1895): MỘT SỐ LUẬN GIẢI VỀ NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI The Self-Strengthening Movement in China (1861 - 1895): Some explanations for its failure

LÊ THANH HẢI\*

Ngày nhận bài: 16/8/2025, ngày gửi phản biện: 18/8/2025, ngày duyệt đăng: 28/8/2025

*Phong trào Dương Vụ (1861-1895) là nỗ lực cải cách của Trung Quốc trong bối cảnh đất nước đối mặt với mối đe dọa từ các thế lực đế quốc phương Tây. Tuy nhiên, kể từ sau Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), phong trào đã dẫn đến thất bại. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích lịch sử - chính trị kết hợp lý thuyết về cải cách xã hội để làm rõ nguyên nhân thất bại của phong trào. Kết quả nghiên cứu chỉ ra năm nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của phong trào: (1) sự cản trở của các thế lực đế quốc; (2) năng lực lãnh đạo hạn chế; (3) tư tưởng cải cách mang tính nửa vời; (4) sự chống đối từ phái bảo thủ; và (5) mục tiêu cải cách không phù hợp với xu thế thời đại. Kết luận nghiên cứu chỉ ra rằng cải cách nửa vời trong thể chế phong kiến không thể tạo ra thay đổi sâu rộng. Bên cạnh đó, việc tiếp thu công nghệ phải gắn liền với đổi mới thể chế, xây dựng sự đồng thuận xã hội và phải phát huy tính tự lực. Cuối cùng, cải cách cần phù hợp với xu thế thời đại và mục tiêu phát triển bền vững.*

**Từ khóa:** Bài học, cải cách, Phong trào Dương Vụ, thất bại.

*The Self-Strengthening Movement (1861-1895) was a reform effort in China, undertaken in the context of the country facing threats from Western imperialist powers. However, following the First Sino-Japanese War (1894-1895), the Self-Strengthening Movement ultimately collapsed. This study aims to analyze the causes of the movement's failure. The research employs a historical and political analysis method, combined with social reform theory to clarify the cause of the movement's failure. The study identifies five main causes of the movement's failure: (1) obstruction by imperialist powers; (2) limited leadership capacity; (3) a half-hearted reform ideology; (4) opposition from conservative factions; and (5) reform objectives that were incompatible with the trends of the era. The conclusion indicates that half-hearted reforms within the framework of the feudal system cannot lead to profound changes. Moreover, the adoption of technology must be linked to institutional reforms, the building of social consensus, and the promotion of self-reliance. Finally, reforms must align with contemporary trends and the goals of sustainable development.*

**Keywords:** Lesson, reform, Self-Strengthening Movement, failure.

\* Tiến sĩ, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn; Email: lethanhhai@qnu.edu.vn

## Mở đầu

Giữa thế kỷ XIX, Trung Quốc rơi vào khủng hoảng sâu sắc, vận mệnh của quốc gia, dân tộc bị đe dọa nghiêm trọng. Hai cuộc Chiến tranh Nha phiến (1840 - 1842; 1856 - 1860) đã phơi bày sự yếu kém toàn diện của nhà Thanh trước sức mạnh quân sự và kỹ thuật của các nước phương Tây. Các hiệp ước bất bình đẳng ký kết sau chiến tranh không chỉ làm mất lãnh thổ, quyền thuế quan và quyền tài phán, mà còn mở rộng cửa cho tư bản ngoại quốc xâm nhập sâu vào kinh tế - xã hội Trung Quốc. Tình trạng này tạo ra sức ép cải cách ngày càng lớn đối với giới cầm quyền triều Thanh.

Trong bối cảnh đó, một bộ phận quan lại có tư tưởng cấp tiến, tiêu biểu như Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương, Tả Tông Đường, Trương Chi Động... đã khởi xướng phong trào Dương Vụ, với mục tiêu “tự cường” và “cầu phú” thông qua học tập kỹ thuật, quân sự và công nghiệp của phương Tây. Khẩu hiệu “*su Di chi trường kỹ dĩ chế Di*” phản ánh rõ cách tiếp cận thực dụng của họ: tiếp thu sở trường kỹ thuật của người ngoại quốc để đối phó lại chính họ. Tuy nhiên, định hướng tư tưởng “*Trung học vi thể, Tây học vi dụng*” lại cho thấy phái Dương Vụ vẫn kiên quyết duy trì nền tảng chính trị - xã hội phong kiến, chỉ xem yếu tố phương Tây như công cụ hỗ trợ.

Trong khoảng hơn ba thập niên (1861 - 1895), phong trào đã để lại dấu ấn nhất định, đặc biệt trong hiện đại hóa quân sự và mở mang công nghiệp. Song, thất bại trong Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) đã đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của phong trào Dương Vụ, từ đó đặt ra câu hỏi lớn trong giới nghiên cứu: Nguyên nhân nào đã khiến một nỗ lực cải cách có vẻ tiến bộ và thức thời lại đi đến kết cục như vậy?

Mặc dù phong trào Dương Vụ đã được nghiên cứu nhiều, nhưng về nguyên nhân thất bại, vẫn còn nhiều cách lý giải khác nhau. Các nhà nghiên cứu đã đưa ra những quan điểm khác biệt về việc liệu thất bại của phong trào là do yếu tố bên ngoài, như sự can thiệp của đế quốc phương Tây, hay do các yếu tố bên trong, như thể chế phong kiến và tư tưởng cải cách nửa vời, thiếu triệt để... Bài viết này nhằm hệ thống lại những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào Dương Vụ, đồng thời đưa ra một số luận giải từ góc nhìn mới. Đặc biệt, bài viết tiếp cận theo hướng lịch sử - chính trị, không chỉ xem xét thất bại của phong trào từ áp lực bên ngoài mà còn từ những yếu tố bên trong, giúp làm sáng tỏ nguyên nhân sâu xa của thất bại. Cùng với đó, thông qua việc nghiên cứu thất bại trong những nỗ lực cải cách của phong trào Dương Vụ, bài viết rút ra một số bài học có ý nghĩa định hướng cho các quá trình cải cách, đổi mới hiện nay.

### 1. Khái quát về phong trào Dương Vụ (1861 - 1895)

Phong trào Dương Vụ còn được gọi là phong trào “*Đông Quang tân chính*”, tức những chính sách mới giữa hai thời vua Đồng Trị (1862 - 1874) và vua Quang Tự (1875 - 1908). Phong trào này còn có tên gọi khác là “*Tự cường tân chính*”, tức những chính sách mới nhằm chấn hưng đất nước. Đây được xem là một phong trào “tự cứu” do những

quan lại, sĩ phu tiến bộ thuộc phái Dương Vụ tiến hành, nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền của Trung Quốc cũng như củng cố nền thống trị phong kiến.

Mốc khởi phát của phong trào Dương Vụ được xác định là năm 1861, khi cơ quan “*Tổng lý các quốc sự vụ Nha môn*” được triều đình nhà Thanh phê chuẩn thành lập (ngày 20 tháng 1 năm 1861 - năm Hàm Phong thứ 10). Còn về mốc kết thúc, hầu hết các nhà nghiên cứu đều lấy năm 1895 (khi Trung Quốc thất bại trong cuộc Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) là mốc đánh dấu sự chấm dứt của phong trào Dương Vụ.

Trong hơn 30 năm tồn tại của phong trào, phái Dương Vụ đã tích cực học tập khoa học kỹ thuật của người phương Tây nhằm đưa Trung Quốc vươn tới sự cường thịnh. Trong đó, có thể phân chia diễn biến của phong trào Dương Vụ ra thành hai giai đoạn: Giai đoạn “Cầu cường” (1861 - đầu thập niên 1870), và giai đoạn “Cầu phú” (đầu thập niên 1870 - 1895). Ở giai đoạn “Cầu cường”, phái Dương Vụ đặt ra mục tiêu trọng tâm là tăng cường sức mạnh quân sự để bảo vệ chế độ. Họ đã đẩy mạnh xây dựng các binh xưởng (như Cục chế tạo Giang Nam, Cục cơ khí Thiên Tân), đóng tàu chiến, sản xuất súng ống, mua sắm khí tài từ phương Tây và thuê chuyên gia ngoại quốc huấn luyện quân đội... Đây cũng là giai đoạn quân đội nhà Thanh được hiện đại hóa mạnh mẽ, thể hiện qua sự ra đời của các hạm đội Bắc Dương, hạm đội Nam Dương, hạm đội Phúc Kiến. Sang giai đoạn “Cầu phú”, các nhà lãnh đạo Dương Vụ lại chuyển sang phát triển công nghiệp dân dụng và hạ tầng. Nhiều ngành nghề mới được mở mang: khai mỏ (than, sắt), luyện kim, dệt máy, vận tải đường thủy, đường sắt, điện tín... Đặc biệt, trong giai đoạn này, các xí nghiệp “Quan đốc thương biện” đã được thành lập, vận hành theo mô hình kết hợp giữa vốn của nhà nước và thương nhân quản lý.

Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Trung - Pháp (1884 - 1885) và đặc biệt là cuộc chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895) đã làm tiêu tan hoàn toàn giấc mộng “tự cường” của phái Dương Vụ. Ngày 17 tháng 4 năm 1895, Lý Hồng Chương đã phải thay mặt triều đình nhà Thanh ký “*Điều ước Mã Quan*” (Shimonoseki) với Nhật Bản. Những điều khoản nặng nề, cùng sự tàn phá của chiến tranh, đã khiến mục tiêu “tự cường”, “tìm kiếm sự giàu có” mà phái Dương Vụ đề ra không còn cơ sở để thực hiện tiếp, kéo theo sự chấm dứt của phong trào.

## **2. Những nguyên nhân khiến phong trào Dương Vụ đi đến thất bại**

### **2.1. Sự cản trở của các thế lực đế quốc**

Một trong những trở ngại lớn đối với phong trào Dương Vụ xuất phát từ chính bối cảnh quốc tế mà nó nảy sinh. Về danh nghĩa, khẩu hiệu “*su Di chi trường kỹ dĩ chế Di*” cho phép các nhà lãnh đạo Dương Vụ học tập kỹ thuật, mua sắm máy móc và phương tiện quân sự từ phương Tây. Tuy nhiên, khi đặt trong bối cảnh chủ nghĩa đế quốc đang mở rộng xâm lược, coi Trung Quốc như một “miếng mồi” cần chiếm đoạt, thì chủ trương này bộc lộ những giới hạn rõ rệt.

Trên thực tế, các nước phương Tây không muốn Trung Quốc thật sự mạnh lên. Họ vẫn bán máy móc, tàu thuyền, vũ khí và thậm chí chuyên giao dây chuyền sản xuất, nhưng đó không phải là loại tiên tiến nhất. Lợi dụng sự thiếu hiểu biết về kỹ thuật của quan lại nhà Thanh, thương nhân phương Tây nhiều lần bán hàng kém chất lượng, thậm chí hàng phế phẩm, với giá cao. Lây Thiên Tân làm ví dụ, đây được coi là trung tâm phía Bắc của phong trào Dương Vụ, nên các hoạt động thương mại với người phương Tây diễn ra hết sức sôi nổi. Tuy nhiên, *“những tay buôn lợi dụng sự kém hiểu biết của quan viên triều đình nhà Thanh về vũ khí cận đại và bằng những khoản hoa hồng và quà biếu lớn, đã bán cho Trung Quốc một số lượng lớn hàng kém chất lượng, thậm chí là hàng phế phẩm”* (Lâm Thành Sinh, 1993, tr.162).

Bên cạnh đó, các thế lực tư bản phương Tây luôn dùng ưu thế về nhân lực, vật lực và kinh nghiệm quản lý để cạnh tranh phá hoại các doanh nghiệp Dương Vụ. Trường hợp Cục tàu thủy do Lý Hồng Chương sáng lập là một điển hình. Ngay từ khi mới thành lập, Cục tàu thủy đã phải đối mặt với những hoạt động cạnh tranh không lành mạnh của các công ty vận tải nước ngoài. *“Họ rêu rao khắp nơi, nói rằng Cục tàu thủy “do không có người quản lý, vốn lại ít, ắt sẽ không thể tồn tại lâu dài” nhằm lung lạc cổ đông, phá hoại uy tín của Cục; mặt khác, họ ráo riết tiến hành cạnh tranh với thủ đoạn ép giá, hạ cước phí vận chuyển xuống chỉ còn một nửa, thậm chí chỉ còn 2/3”* (Đào Duy Đạt, 2002, tr.58).

Những hành động này không chỉ gây thiệt hại trực tiếp về kinh tế, mà còn làm gián đoạn mục tiêu xây dựng một nền công nghiệp quốc phòng và dân dụng tự chủ của phong trào Dương Vụ. Đặc biệt, trong bối cảnh Trung Quốc bấy giờ chưa có khả năng tự chủ về máy móc và kỹ thuật, thì sự phụ thuộc vào nguồn cung phương Tây đã đồng nghĩa trao cho các thế lực đế quốc một “đòn bẫy” để kiềm chế mọi bước tiến của phong trào Dương Vụ.

## **2.2. Sự non kém của chính những người khởi xướng và tham gia phong trào**

Những người lãnh đạo phong trào cải cách, trên thực tế, vẫn chỉ là những quan lại phong kiến của triều đình nhà Thanh. Dù họ có ý thức học tập phương Tây để củng cố đất nước, nhưng do thiếu kinh nghiệm thực tiễn, cộng với việc chưa thoát khỏi quán tính tư duy cũ, nên họ không thể đề ra và thực thi được các phương án cải cách hiệu quả, triệt để. Trường hợp Lý Hồng Chương là minh chứng rõ rệt. Tuy được đánh giá là “học sâu, biết rộng” và có tầm nhìn tương đối khoáng đạt, song trong sự nghiệp Dương Vụ, ông vẫn không tránh khỏi những hạn chế. Như lời nhận xét của Tổng Dục Nhân: *“Họ (các chuyên gia Dương Vụ) chỉ biết sao chép lại các vũ khí của Tây phương mà không học được các nguyên tắc cơ bản hay phương pháp bày trận phòng thủ biển. Cho nên, họ làm hao kiệt tài nguyên quốc gia mà không đạt được mục tiêu cường và thịnh”* (Đình Hiểu Tiên, 1955, tr.187).

Xét về lực lượng thực thi, đội ngũ tham gia phong trào Dương Vụ hầu như chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về hiện đại hóa, thiếu ý thức chủ động khi bắt tay vào công cuộc cải cách. Điều này thể hiện rõ trong xây dựng quân đội. Mặc dù phái Dương

Vụ cố công hiện đại hóa quốc phòng, không ngừng mua sắm, trang bị khí giới, phương tiện hiện đại, thuê cả các chuyên gia quân sự nước ngoài về huấn luyện cho binh sĩ theo nguyên tắc phương Tây, song trên thực tế “*họ không thực sự hiểu họ đang làm gì và tại sao phải làm như thế. Nói cách khác, trên phương diện tinh thần và tâm lý, binh sĩ Trung Hoa trong nhiều phương diện không được chuẩn bị để chiến đấu một cuộc chiến đấu hiện đại. Việc huấn luyện thường mang tính hình thức, giống như “diễn kịch” hơn là chuẩn bị thực sự cho chiến tranh*” (Đình Hiểu Tiên, 1955, tr.162).

Bản thân các tướng lĩnh, những người được coi là ít nhiều hiểu biết về đường lối Dương Vụ, cũng ở vào tình trạng tương tự. Như lời của Luxmore, một sĩ quan người Anh được thuê huấn luyện cho hải quân nhà Thanh, khi nhận xét về một viên quan chỉ huy chiến hạm đã bộc bạch: “*Tôi không biết ông Đề đốc làm gì trên chiến thuyền này vì ít khi thấy ông ta ở trên tàu. Mỗi khi đến, ông thường đóng cửa chặt trong phòng riêng, trong đó có tượng Mã Tổ mà người ta tin rằng độ trì cho thuyền trên biển. Ông lão ở trong phòng chẳng làm gì ngoài việc tụng kinh và nhập định. Thật khó hiểu vì sao viên tướng già này lại được giao chức vụ quan trọng, trong khi ông ta chẳng biết gì về máy hơi nước hay Anh ngữ là ngôn ngữ chỉ huy duy nhất dùng trên chiến hạm*” (theo ghi chép của Luxmore, sĩ quan Anh, dẫn trong Đình Hiểu Tiên, 1955, tr.164).

Sự yếu kém về năng lực chỉ huy, kỹ thuật và tác phong như trên, đã khiến việc hiện đại hóa quốc phòng - mục tiêu then chốt của Dương Vụ trở nên hình thức, không tạo ra sức mạnh thực chất, và là một nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thất bại của phong trào.

### **2.3. Hạn chế trong tư tưởng cải cách của phái Dương Vụ**

Phái Dương Vụ đã thực thi một chương trình cải cách khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực, trong đó lấy tư tưởng cốt lõi là “*Trung học vi thể, Tây học vi dụng*” (lấy luân lý, cương thường của Trung Quốc làm nền tảng để trị nước, lấy khoa học kỹ thuật của phương Tây làm biện pháp để làm giàu). Vấn đề đáng nói, mặc dù họ chủ trương cần phải học tập và sử dụng khoa học kỹ thuật phương Tây, nhưng lại trên cơ sở duy trì chế độ phong kiến, bảo vệ những giá trị phong kiến truyền thống. Nhìn về hình thức, đây được xem như sự kết hợp “khéo léo” để phù hợp với đặc thù Trung Quốc, nhưng thực chất lại là sự dung hòa gượng ép giữa hai hệ giá trị, dẫn đến những sản phẩm cải cách nửa vời, kém hiệu quả. Trong thực tế, yếu tố “*Tây*” (khoa học, kỹ thuật) dù có được du nhập vào đến đâu cũng khó áp dụng đầy đủ, bởi luôn bị ràng buộc bởi yếu tố “*Trung*” (hệ giá trị phong kiến) vốn luôn giữ vị trí nền tảng. Điều này đồng nghĩa với việc dựa vào quyền lực phong kiến để tiến hành cải cách - một mâu thuẫn nội tại khó khắc phục.

Một ví dụ điển hình của sự vận dụng thuyết “*Trung thể, Tây dụng*” là ở việc tổ chức các xí nghiệp “*Quan đốc thương biện*” của phái Dương Vụ. Trong đó, mặc dù chủ trương học người phương Tây để xây dựng các xí nghiệp cận đại, song họ cũng đồng thời xác lập vai trò can thiệp, chi phối của nhà nước phong kiến vào các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quan viên phong kiến dù không hề có chút kinh nghiệm kinh doanh gì, vẫn nghiêm nhiên trở thành những nhân vật chủ chốt quản lý các xí nghiệp. Khi đảm

nhiệm vai trò này, họ không thể làm được gì nhiều hơn ngoài việc bê bối quản lý quân phiệt, máy móc, tự tư tự lợi kiểu phong kiến vào trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiếu những tố chất cần thiết của các “ông chủ tư sản”, họ đã không thể hoàn thành được nhiệm vụ quản lý xí nghiệp của mình. Mặt khác, dù rằng nói “*Quan*” giám sát, “*Thương*” điều hành, song trên thực tế “*Quan - Thương bản tướng ngăn cách*”, nên “*Thương*” dù muốn tự do vùng vẫy cũng không thể thoát khỏi sự kiểm tỏa của “*Quan*”. Chính điều này, về lâu về dài, đã dẫn đến những mâu thuẫn lực đực trong Hội đồng quản trị của các xí nghiệp, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, mặt trái của tư tưởng “*Trung học vi thể, Tây học vi dụng*” còn bộc lộ rõ trong việc đưa học sinh đi du học của phái Dương Vụ. Trong khoảng thời gian từ năm 1872 - 1876, phái Dương Vụ đã đưa hàng trăm học sinh ưu tú sang Mỹ du học, nhằm mục đích tạo ra một đội ngũ có trình độ khoa học kỹ thuật cao để về phục vụ cho sự nghiệp hiện đại hóa. Tuy nhiên, khi quá trình tu nghiệp của các lưu học sinh này chưa chín muồi, triều đình nhà Thanh đã triệu hồi họ về vì sợ những người đó sẽ bị “mất gốc”. Cũng xuất phát từ tư tưởng “*Trung thể*”, nhiều lưu học sinh khi trở về đã bị nhìn nhận bằng con mắt nghi ngại, không được trọng dụng. Ngay cả trong các trường kiểu mới do phái Dương Vụ thành lập, tư tưởng “*Trung học vi thể, Tây học vi dụng*” vẫn chi phối sâu sắc: học sinh được học ngoại ngữ và khoa học kỹ thuật, nhưng kèm theo là nhiều quy định, tư tưởng phong kiến ràng buộc...

Như vậy, chủ trương “du nhập cái mới nhưng không phá bỏ hệ thống cũ” đã trở thành căn nguyên của hàng loạt hạn chế trong phong trào, khiến nó không thể tạo ra thay đổi triệt để, và tất yếu dẫn đến thất bại. Về điều này, nếu so với Minh Trị Duy Tân (1868 - 1912) tại Nhật Bản, có thể thấy một sự khác biệt rõ rệt trong cách tiếp cận cải cách. Nhật Bản dưới thời Minh Trị Duy Tân đã thực hiện cải cách không chỉ trong khoa học kỹ thuật, mà còn cải cách toàn diện về thể chế chính trị - xã hội, xây dựng hệ thống quản trị quốc gia và quân đội hiện đại; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo mô hình phương Tây mà không bị ràng buộc bởi những giá trị phong kiến truyền thống. Ngược lại, Trung Quốc dưới thời gian Dương Vụ lại vẫn duy trì quyền lực phong kiến và chỉ tiếp thu công nghệ mà không thay đổi căn bản thể chế, khiến cho cải cách không thể tạo ra biến chuyển sâu rộng và bền vững (Chih Yu Liao, 2006, tr.76).

#### **2.4. Sự chống đối của phái ngoan cố**

Mặc dù kể từ sau sự kiện “*Chinh biến Tân Dậu*” (tháng 11 năm 1861) phái Dương Vụ đã giành được thế thượng phong, nhưng không phải vì thế trong và ngoài triều đình chỉ còn lại toàn những quan viên, nhân sĩ cấp tiến. Trên thực tế, thế lực của phái ngoan cố vẫn chiếm giữ một vị trí không hề nhỏ trong triều đình và ngoài xã hội. Như Vương Thao (một nhân sĩ thuộc phái cải lương thời kỳ đầu) đã chỉ rõ: “*Thời bấy giờ số người cho rằng có thể dùng phương pháp của phương Tây, chẳng qua chỉ có vài ba phần mười, còn những người cho rằng không thể và không cần thiết phải dùng phương pháp*

*của người phương Tây, thì khắp cả triều đình đâu đâu cũng thấy”* (Phạm Văn Lan, 2007, tr.567).

Quan điểm chung của phái ngoan cố là tuyệt đối không thừa nhận những thay đổi lớn của thời cuộc, luôn ảo tưởng khôi phục lại cục diện “bế quan tỏa cảng” trước Chiến tranh Nha phiến (Cát Kiếm Hùng, 2005, tr.568). Bên cạnh đó, phái ngoan cố quan niệm học tập phương Tây là hành động “*dụng Di biến Hạ*” (dùng người ngoại quốc để thay đổi Trung Hoa), đồng nghĩa với tự hạ thấp mình và tôn sùng ngoại bang, đi ngược vị thế “*Thiên triều thượng quốc*”. Chính vì vậy, họ xem những người Dương Vụ là “*một bầy thú dữ, loại loạn thần tặc tử, một nhóm người tiếp tay cho Trụ làm điều ác, Hán gian, nô lệ của bọn ngoại quốc, chỉ biết mưu lợi cho nước ngoài chứ không phải mưu lợi cho triều đình*” (dẫn theo Phạm Văn Lan, 2007, tr.569). Từ đó, họ thẳng thừng tuyên chiến với phái Dương Vụ và luôn tìm mọi cách để tấn công bất cứ chính sách cấp tiến nào của phái Dương Vụ. Sự chống đối liên tục này, một mặt không chỉ làm suy giảm hiệu quả của các biện pháp cải cách, mặt khác còn tạo nên áp lực chính trị, khiến các lãnh đạo Dương Vụ khó duy trì hoặc mở rộng chương trình cải cách theo hướng triệt để.

### **2.5. Mục tiêu của phong trào không còn phù hợp với xu thế thời đại**

Sự không phù hợp với xu thế thời đại được xem là nguyên nhân có tính chất bao trùm, tác động không nhỏ đến kết cục của phong trào Dương Vụ. Việc học tập khoa học kỹ thuật phương Tây để làm cho đất nước giàu mạnh là chủ trương tiến bộ và phù hợp với xu thế hiện đại hóa cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên, mục tiêu cải cách của phái Dương Vụ lại gắn chặt với việc duy trì và kéo dài chế độ phong kiến Mãn Thanh, một thể chế đang ở giai đoạn suy tàn.

Trong khi đó, đến nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã giành ưu thế tuyệt đối trước chế độ phong kiến ở phạm vi toàn cầu, trở thành hệ thống thế giới, lôi cuốn cả các quốc gia ngoài phương Tây vào quỹ đạo của nó. Trong bối cảnh ấy, việc cố níu giữ chế độ phong kiến đồng nghĩa với tự giới hạn khả năng cải cách, khiến các biện pháp đổi mới chỉ mang tính chấp vá, cục bộ, thiếu quyết đoán và không đồng bộ.

Chính sự lừng chùng này đã kéo theo hàng loạt hạn chế khác: cải cách không đủ sâu để tạo đột phá, cơ cấu quyền lực cũ tiếp tục chi phối mạnh mẽ, bộ máy quan liêu bảo thủ vẫn nắm quyền, và mọi nỗ lực hiện đại hóa bị bóp nghẹt bởi khung thể chế lỗi thời. Vì vậy, dù có đạt được một số kết quả nhất định trong lĩnh vực quốc phòng và công nghiệp dân dụng, phong trào Dương Vụ vẫn không thể biến những kết quả ấy thành nền tảng cho sự chuyển hóa toàn diện của quốc gia.

Kết quả là, khi bước vào Chiến tranh Trung - Pháp (1884 - 1885) và nhất là Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), những thành quả cải cách lộ rõ tính hình thức, không đủ sức bảo vệ quốc gia trước một đối thủ đã tiến hành cải cách triệt để hơn (Nhật Bản thời Minh Trị). Thất bại quân sự ê chề của nhà Thanh đã đánh dấu sự phá sản hoàn toàn

của chiến lược Dương Vụ, đồng thời cho thấy: mọi nỗ lực cải cách nửa vời trong khuôn khổ thể chế phong kiến suy tàn đều không thể mang lại thành công.

Như vậy, sự thất bại của phong trào Dương Vụ là kết quả của nhiều yếu tố tác động, trong đó sự bảo thủ của thể chế phong kiến là nguyên nhân bao trùm, khiến các cải cách không thể vượt ra ngoài giới hạn của hệ thống chính trị cũ và chỉ mang tính hình thức. Trong khi đó, sự cản trở của các thế lực đế quốc, sự thiếu kinh nghiệm và năng lực của các lãnh đạo phong trào, cùng những hạn chế trong tư tưởng cải cách, được xem là những tác nhân trực tiếp làm cho các biện pháp cải cách không thể thực thi hiệu quả và không tạo ra được những thay đổi triệt để. Bên cạnh đó, sự chống đối quyết liệt của phái Ngoan cố và mục tiêu cải cách không phù hợp với xu thế thời đại đã trở thành những yếu tố kìm hãm phong trào. Khi kết hợp với nhau, các yếu tố này đã tạo thành những chướng ngại vật rất lớn, khiến phong trào Dương Vụ không thể đạt được mục tiêu đề ra và đi đến thất bại.

### **3. Bài học từ thất bại của phong trào Dương Vụ**

Mặc dù diễn ra sôi nổi và đạt được một số thành tựu nhất định, nhưng sau hơn 30 năm tiến hành, phong trào Dương Vụ (1861 - 1895) cuối cùng vẫn đi đến thất bại. Những bài học từ thất bại của phong trào này ở Trung Quốc thời cận đại vẫn còn giá trị.

*Thứ nhất, cải cách phải được thực hiện toàn diện và đồng bộ, tránh cải cách nửa vời.* Phong trào Dương Vụ chỉ tập trung vào việc học hỏi công nghệ và kỹ thuật từ phương Tây mà không đồng thời cải cách thể chế chính trị và xã hội. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn nội tại và không tạo ra được sự thay đổi toàn diện trong xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, các cải cách lớn đòi hỏi phải có sự tính toán kỹ lưỡng và kết hợp nhuần nhuyễn giữa các lĩnh vực. Khi một lĩnh vực được cải cách mà không đi kèm với sự thay đổi đồng bộ của các lĩnh vực khác, các cải cách sẽ dễ dàng bị kìm hãm hoặc không đạt được hiệu quả như mong muốn.

*Thứ hai, việc tiếp thu công nghệ, kỹ thuật và nâng cao trình độ quản lý kinh tế - xã hội phải đi đôi với việc đổi mới thể chế.* Phong trào Dương Vụ đã tiếp thu công nghệ phương Tây, đặc biệt trong quân sự và công nghiệp, nhưng vẫn duy trì thể chế phong kiến lỗi thời. Điều này khiến công nghệ hiện đại không thể phát huy hết hiệu quả, bị kìm hãm bởi tư duy và cơ chế quản lý cũ. Công nghệ và kỹ thuật không chỉ là sở hữu máy móc hiện đại, mà quan trọng hơn, cần có một cơ chế quản lý linh hoạt và hiện đại để tận dụng tối đa tiềm năng của chúng. Khi không có cơ chế quản lý hiệu quả và thể chế phù hợp, công nghệ sẽ không thể phát triển và đạt được hiệu quả tối đa. Vì vậy, cải cách thể chế và đổi mới cơ chế quản lý là yếu tố then chốt để các công nghệ mới phát huy hiệu quả.

*Thứ ba, đồng thuận xã hội và chính trị là yếu tố then chốt.* Phong trào Dương Vụ đã phải đối mặt với sự chống đối quyết liệt từ phái ngoan cố trong triều đình, khiến các biện pháp cải cách bị suy yếu và không thể triển khai triệt để. Chính vì vậy, tạo lập sự đồng thuận xã hội và chính trị là yếu tố quan trọng đối với sự thành bại của các cải cách. Khi

không có sự đồng lòng từ các tầng lớp trong xã hội, những cải cách dù có tốt đến đâu cũng sẽ khó được thực thi và không tạo ra tác động sâu rộng.

*Thứ tư, đề cao tự lực và hạn chế phụ thuộc vào bên ngoài trong các lĩnh vực chiến lược.* Một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của phong trào Dương Vụ là sự phụ thuộc quá mức vào các thế lực phương Tây, đặc biệt trong việc nhập khẩu công nghệ và vũ khí. Sự tự lực trong các lĩnh vực chiến lược, đặc biệt là công nghệ và quốc phòng, là yếu tố quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững. Đối với mỗi quốc gia, việc quá phụ thuộc vào các đối tác quốc tế sẽ khiến bị chi phối và không thể duy trì sự ổn định lâu dài. Phát triển công nghệ trong nước, tăng cường năng lực nội lực và giảm phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài sẽ tạo ra một nền tảng tự chủ và phát triển bền vững.

*Thứ năm, cải cách phải phù hợp với xu thế thời đại và mục tiêu phát triển bền vững.* Phong trào Dương Vụ mặc dù đã chủ trương học hỏi phương Tây, nhưng lại gắn cải cách với việc duy trì chế độ phong kiến đang suy tàn, làm cho cải cách chỉ mang tính hình thức và không thể tạo ra sự thay đổi đột phá. Trong khi đó, cải cách phải có tầm nhìn dài hạn, không chỉ giải quyết các vấn đề trước mắt mà còn hướng đến những mục tiêu phát triển bền vững và phù hợp với các xu thế thời đại. Muốn vậy, cải cách cần phải nhạy bén với những thay đổi của thời cuộc và điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với nhu cầu phát triển lâu dài.

### **Kết luận**

Phong trào Dương Vụ (1861 - 1895) là một trong những nỗ lực cải cách quan trọng trong lịch sử Trung Quốc cuối thế kỷ XIX. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu nhất định trong việc hiện đại hóa quân sự và mở rộng công nghiệp, phong trào này cuối cùng vẫn đi đến thất bại. Phân tích nguyên nhân thất bại của Dương Vụ cho thấy sự tác động của nhiều yếu tố, bao gồm sự cản trở từ các thế lực đế quốc, sự thiếu hụt năng lực và kinh nghiệm của lãnh đạo phong trào, cùng với hạn chế trong tư tưởng cải cách. Hơn nữa, sự chống đối quyết liệt của phái ngoan cố và mục tiêu cải cách không phù hợp với xu thế thời đại đã khiến phong trào này không thể tạo ra sự thay đổi sâu rộng và bền vững.

Từ thất bại của phong trào Dương Vụ cho thấy, cải cách cần được thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ, không chỉ chú trọng vào việc tiếp thu công nghệ mà còn phải đổi mới thể chế chính trị và xã hội để tạo ra sự thay đổi thực chất. Đồng thời, việc tiếp thu công nghệ phải gắn liền phát triển nội lực vững mạnh, đặc biệt trong các ngành chiến lược, giảm thiểu sự phụ thuộc vào bên ngoài. Ngoài ra, đồng thuận xã hội và chính trị là yếu tố quan trọng giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các cải cách sâu rộng và phù hợp với xu thế toàn cầu hiện nay. Như vậy, ở một góc độ nhất định, những bài học từ phong trào Dương Vụ có thể gợi mở và góp phần định hình chiến lược cho các quá trình cải cách trên thế giới hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Đạt (2002). Những con đường du nhập Tây học ở Trung Quốc trong phong trào Dương Vụ (1861-1894). *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 3, tr.47-55.
2. Cát Kiếm Hùng (2005). *Bước thịnh suy của các triều đại phong kiến Trung Quốc*, Tập 3, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Phạm Văn Lan (2007). *Lịch sử cận đại Trung Quốc* (Bản đánh máy), Thư viện Viện nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội.
4. Lâm Thành Sinh (1993). *So sánh phong trào Dương Vụ và Duy tân Minh Trị*, Nxb. Khoa học Xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh.
5. Đinh Hiểu Tiên (1955). *Lịch sử cận đại Trung Quốc: từ Nha phiến chiến tranh đến ngày bắt đầu kiến thiết Tân Trung Quốc (1840 - 1950)*, Quyển 1: Từ nha phiến chiến tranh đến thống trị Bắc dương quân phiệt (1840 -1918), Trần Văn Giáp dịch, Thư viện Quốc gia Hà Nội.
6. Antian Yang (2017). *A Comparison Study on Modernization in the Meiji Restoration and the Self-Strengthening Movement*. Lund University.
7. Chih Yu Liao (2006). *A Comparative Analysis of the Differences between Chinese and Japanese Modernization in the Mid-Late Nineteenth Century with Particular Regard to the Idea of 'Rich Nation, Strong Army'*. University of Canterbury.
8. Jason Cao (2023). *Analyzing the failures of the Self-Strengthening Movement*. *Scholarly Review*.
9. Jason Qu (2016). *Self-Strengthening Movement of late Qing China: an intermediate reform doomed to failure*. *Asian Culture and History*, 8(2), 148-154.